

THÔNG BÁO

Mời đăng ký thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ năm 2024

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Chương trình nghiên cứu khoa học - phát triển công nghệ và nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 4410/KH-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện Chiến lược khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2025 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Kế hoạch số 636/KH-SKHCHN ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Sở Khoa học và Công nghệ (Sở KH&CN) về công tác quản lý nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ năm 2024.

Sở KH&CN mời các tổ chức tham gia đăng ký thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ năm 2024 (Đính kèm Phụ lục Danh mục nhiệm vụ), cụ thể như sau:

I. ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ HỒ SƠ

1. Điều kiện đối với tổ chức đăng ký làm tổ chức chủ trì nhiệm vụ

a) Là pháp nhân được thành lập theo quy định pháp luật Việt Nam có chức năng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Riêng đối với nhiệm vụ theo hình thức đề án khoa học, tổ chức chủ trì có thể là các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

b) Có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ.

c) Có đủ kinh nghiệm, năng lực, phương án huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

d) Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau không đủ điều kiện đăng ký làm tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

- Vi phạm hợp đồng thực hiện nhiệm vụ đối với các nhiệm vụ đang triển khai;

- Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ sẽ không được đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời gian 01 (một) năm kể từ khi có quyết

định đình chỉ của Sở Khoa học và Công nghệ;

- Vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ.

2. Điều kiện đối với cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ

a) Có trình độ đại học trở lên; có chuyên môn, nghiệp vụ và có ít nhất 02 (hai) năm kinh nghiệm công tác theo đúng lĩnh vực của nhiệm vụ đăng ký làm chủ nhiệm và có năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ đúng tiến độ.

b) Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau không đủ điều kiện đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ:

- Có nhiệm vụ do mình làm chủ nhiệm bị đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” vì lý do chủ quan trong thời gian 02 (hai) năm kể từ khi có thông báo của Sở Khoa học và Công nghệ;

- Có vi phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ do mình làm chủ nhiệm trong thời gian 03 (ba) năm kể từ khi có quyết định của Sở Khoa học và Công nghệ.

II. CÁCH THỨC ĐĂNG KÝ HỒ SƠ

1. Thành phần hồ sơ

- Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ (Mẫu A1-BM01-ĐĐK).

- Thuyết minh nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ (Mẫu A1-BM02-TMNVCN); Thuyết minh nhiệm vụ nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn (Mẫu A1-BM03-TMNVXH); Thuyết minh dự án sản xuất thử nghiệm (Mẫu A1-BM04-TMDA); Thuyết minh Đề án khoa học (Mẫu A1-BM05-TMĐA);

- Thuyết minh dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ (Mẫu A1-BM07-TMDT);

- Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Mẫu A1-BM08-LLTC);

- Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và tham gia thực hiện nhiệm vụ (Mẫu A1-BM09-LLCN);

- Giấy xác nhận phối hợp thực hiện nhiệm vụ (Mẫu A1-BM10-PHNC);

- Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ/sản xuất của tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện nhiệm vụ (mẫu A1-BM11-LLPHNC);

- Bảng báo giá nguyên, nhiên liệu, vật tư, phụ tùng, dụng cụ, năng lượng, tài liệu, số liệu,... (nếu có).

2. Cách thức đăng ký hồ sơ

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: từ ngày ra thông báo đến hết ngày **15/12/2024**.

- Thành phần hồ sơ: theo Mục II.1 của Thông báo này.

- Cách thức nộp hồ sơ:

+ Các tài liệu gửi theo dạng tập tin pdf và phải được ký tên, đóng dấu xác nhận của tổ chức đăng ký thực hiện.

+ Nén tất cả thành phần hồ sơ tại Mục II.1 của Thông báo này thành 01 tập tin

(đặt tên tập tin như sau: Mã hồ sơ theo danh mục - Điện thoại liên lạc; Ví dụ: 201-2024-093369xxxx), phải đặt mật khẩu (tùy chọn) cho tập tin

+ Nộp trực tuyến trên trang quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Sở KH&CN theo địa chỉ <http://qlnv.doimoisangtao.vn>.

Đến thời hạn kết thúc nhận hồ sơ, Sở KH&CN sẽ tập hợp và mời các tổ chức đăng ký thực hiện nhiệm vụ đến cung cấp mật khẩu, mở và xem xét tính hợp lệ của hồ sơ trước khi tổ chức tuyển chọn. Sở KH&CN không giải quyết trường hợp hồ sơ đăng ký trễ hạn hoặc hồ sơ không đúng quy định, không đầy đủ thành phần theo Mục II.1 của Thông báo này).

III. THÔNG TIN LIÊN HỆ

- Phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ TP. HCM.
- Địa chỉ: 244 đường Điện Biên Phủ, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Website: www.dost.hochiminhcity.gov.vn.
- Điện thoại: 028.39322147 (Phòng Quản lý Khoa học) hoặc Ông Lê Thanh Trang - 0933692929./.

Nơi nhận:

- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Trường, Viện, Tổ chức KH&CN;
- Doanh nghiệp KH&CN;
- Các phòng chức năng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, QLKH. (1b), TR.(150b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ
KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ

Lê Thanh Minh

Biểu mẫu



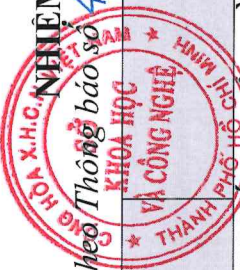
Nộp hồ sơ



Danh mục

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2024

(Ban hành kèm theo Thông báo số 4909 /TB-SKHHCN ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Sở Khoa học và Công nghệ)



Stt	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm	Thời gian (tháng)	Ghi chú
I. CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ PHỤC VỤ BẢO VỆ VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE						
1.	301-2024	Nghiên cứu chiết xuất, bào chế gel chứa cao chiết cây thuốc bỏng (Kalanchoe pinnata (Lamk.) Pers.) và đánh giá hiệu quả điều trị lành vết thương trên da do laser CO2 trên mô hình thực nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu xác định chi, loài cây thuốc bỏng đang trồng địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các vùng lân cận nhằm tối ưu cho việc chiết xuất hoạt chất lạnh thương. - Xây dựng quy trình chiết xuất cao định chuẩn và phân lập chất đối chiếu từ cây thuốc bỏng. - Đánh giá tác dụng làm lành vết thương in vitro của cao chiết cây thuốc bỏng. - Nghiên cứu sản xuất gel chứa cao chiết cây thuốc bỏng ở quy mô phòng thí nghiệm. - Đánh giá tác dụng làm lành vết thương của gel chứa cao chiết cây thuốc bỏng trên mô hình gây tổn thương da chuột bằng laser CO2. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình: (1) Chiết xuất cao chiết cây thuốc bỏng; (2) Sản xuất gel chứa cao chiết cây thuốc bỏng. - Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở: (1) Cao cây thuốc bỏng; (2) Gel chứa cao cây thuốc bỏng. - Báo cáo: (1) Kết quả khảo sát độ ổn định của gel chứa cao chiết cây thuốc bỏng; (2) Thử hoạt tính làm lành vết thương của cao chiết cây thuốc bỏng trên mô hình tế bào; (3) Thử nghiệm tác dụng sinh học của sản phẩm gel chứa cao chiết cây thuốc bỏng trên mô hình động vật có vết thương do laser CO2. - Sản phẩm đăng ký sở hữu trí tuệ. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt. 	24	
2.	302-2024	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng và một số yếu tố liên quan đến mô hình bệnh tật các rối loạn tâm thần phổ biến tại cộng đồng sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tỷ lệ hiện mắc của 10 rối loạn tâm thần phổ biến tại Thành phố Hồ Chí Minh. - Xác định yếu tố tâm lý xã hội liên quan đến các rối loạn tâm thần phổ biến tại Thành phố Hồ Chí Minh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở dữ liệu về dịch tễ học đối với 10 rối loạn tâm thần thường gặp của người dân sinh sống tại Thành phố Hồ Chí Minh có độ tuổi từ 16 đến 60 tuổi. - Dự thảo quy hoạch hệ thống chăm sóc sức khỏe tâm thần tương ứng với số liệu điều tra dịch tễ. - Báo cáo dự báo các biến động trong tương lai về sức khỏe tâm thần của người dân Thành phố Hồ Chí Minh. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt. 	12	
3.	303-2024	Nghiên cứu quy trình công nghệ và xây dựng mô hình sản xuất ứng dụng để nâng cao chất lượng sản phẩm từ dược liệu có hàm lượng GABA cao và hoạt tính giảm stress	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng được quy trình công nghệ và chuyên gia sản xuất các sản phẩm từ dược liệu có hàm lượng GABA cao và hoạt tính giảm stress, có chất lượng tốt, đạt tiêu chuẩn an toàn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình công nghệ: Quy trình sản xuất và bảo quản chế phẩm giàu GABA, Quy trình sản xuất và bảo quản các dạng thực phẩm chức năng từ dược liệu có hàm lượng GABA cao. - Tập huấn và chuyển giao: quy trình công nghệ sản xuất các sản phẩm các dạng thực phẩm chức năng từ dược liệu có hàm lượng GABA cao đầy đủ tại doanh nghiệp. - Sản phẩm mẫu: dạng viên nang; dạng dịch uống siro; dạng viên ngậm (đạt chất lượng theo QCVN 8-1-2-3:2011/BYT và thông tư 43/2014/TT-BYT). - Sản phẩm đăng ký sở hữu trí tuệ. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt. 	24	

Stt	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm	Thời gian (tháng)	Ghi chú
II. CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN, ỨNG DỤNG NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO						
4.	304-2024	Nâng cao giá trị và giảm thiểu tổn thất của trái chuối già Nam Mỹ từ thu hoạch đến chế biến	<p>Xây dựng quy trình sơ chế, bảo quản và sản xuất tinh bột chuối, chuối sấy, sữa chuối, ủ chín chuối đạt yêu cầu của các siêu thị như màu sắc, kết cấu, độ ngọt và có những sản phẩm chế biến từ chuối loại đạt để cho ra những sản phẩm có giá trị cao, thời gian sử dụng dài như tinh bột chuối, chuối sấy, sữa chuối.</p> <p>- Đánh giá hiện trạng nguồn lợi, biến động nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của các loài thủy sản ở vùng biển ven bờ, vùng lòng trên địa bàn Thành phố.</p> <p>- Xác định các khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo không gian và thời gian ở vùng biển ven bờ, vùng lòng trên địa bàn Thành phố.</p> <p>- Đánh giá hiện trạng khai thác, nghề cá ở vùng biển ven bờ, vùng lòng trên địa bàn Thành phố.</p> <p>- Xác định cơ sở khoa học để điều chỉnh sắp xếp lại cơ cấu nghề khai thác (hạn ngạch giấy phép khai thác) phù hợp với tiềm năng nguồn lợi thủy sản ở vùng biển ven bờ, vùng lòng trên địa bàn Thành phố, phục vụ quản lý và phát triển bền vững nghề cá tại địa phương.</p> <p>- Xây dựng các giải pháp khai thác hiệu quả, bền vững và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn Thành phố.</p>	<p>- Danh mục nghề, ngư cụ cấm khai thác; khu vực cấm khai thác và khu vực cấm khai thác có thời hạn cho phù hợp với hoạt động khai thác nguồn lợi thủy sản ở vùng biển ven bờ và vùng lòng trên địa bàn Thành phố.</p> <p>- Đánh giá tổng hợp và đề xuất các giải pháp quản lý, điều chỉnh sắp xếp cơ cấu nghề khai thác, bảo vệ nguồn lợi và phát triển nghề cá bền vững, có trách nhiệm.</p> <p>- Bộ tài liệu kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ nguồn lợi và quản lý nghề cá biển (Poster nguồn lợi thủy sản, Poster các loài thủy sản kinh tế, Poster khu vực cấm và hạn chế khai thác).</p> <p>- Tài liệu và mẫu vật điều tra.</p> <p>- Bản đồ hiện trạng khai thác thủy sản vùng nghiên cứu (tỷ lệ 1/100.000); Bản đồ vùng, khu vực cấm khai thác vùng nghiên cứu (tỷ lệ 1/100.000).</p> <p>- Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt.</p>	12	
5.	305-2024	Xác định trữ lượng nguồn lợi thủy sản vùng ven bờ và vùng lòng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	<p>- Đánh giá được hiện trạng, tiềm năng về đề án phát triển nuôi biển của Thành phố trong môi trường liên hệ bảo vệ nguồn lợi thủy sản, môi trường sinh thái gắn với chuỗi giá trị các sản phẩm nuôi biển chủ lực; cơ sở hạ tầng, chế biến tiêu thụ và dịch vụ hậu cần nghề cá phục vụ phát triển nuôi biển;</p>	<p>- Dự thảo đề án khoa học về phát triển nuôi biển, dịch vụ hậu cần nghề cá và chế biến thủy hải sản, gắn với du lịch biển, đảo trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;</p> <p>- Bản đồ: (1) Bản đồ hiện trạng (tỷ lệ 1/50.000); (2) Bản đồ đề án phát triển (tỷ lệ 1/50.000); (3) Bản đồ/bản vẽ thiết kế mô hình/mẫu đặc trưng (tỷ lệ 1/2000); (4) Bản đồ mô phỏng dòng chảy biển với các kích bản A4, A3 kèm trong báo cáo, có trích</p>	24	
6.	306-2024	Đề án khoa học “Nghiên cứu phát triển nuôi biển, dịch vụ hậu cần nghề cá và chế biến thủy hải sản, gắn với du lịch biển, đảo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”			18	

Stt	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm	Thời gian (tháng)	Ghi chú
			<p>- Xây dựng phương án, giải pháp khoa học về phát triển nuôi biển, dịch vụ hậu cần nghề cá và chế biến thủy hải sản, gắn với du lịch biển, đảo trên địa bàn Thành phố đến năm 2030 tầm nhìn năm 2045.</p>	<p>xuất bản số liệu chi tiết, cụ thể cho từng vùng nuôi; (5) Bản đồ mô phỏng lan truyền ô nhiễm tương ứng với các kịch bản tính toán A4, A3 kèm trong báo cáo, có trích xuất bảng số liệu chi tiết, cụ thể cho từng vùng nuôi.</p> <p>- Báo cáo về cơ sở dữ liệu điều tra, khảo sát biển, đảo trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt.</p>		
7.	307-2024	<p>Nghiên cứu xây dựng và triển khai các hoạt động Đồng quản lý nghề cá và tăng cường năng lực cho Ban điều hành và cộng đồng nghề cá tham gia quản lý, sử dụng và phát triển bền vững tài nguyên nguồn lợi, bảo tồn Đa dạng sinh học, hệ sinh thái thủy vực và bảo vệ môi trường biển ven bờ.</p> <p>- Xây dựng kế hoạch sinh kế và mô hình Đồng quản lý nghề cá được xây dựng và phát triển phục vụ phát triển kinh tế - xã hội chung của huyện Cần Giờ.</p> <p>- Xác định và xây dựng các vùng bảo vệ trong hệ thống Rừng ngập mặn cửa sông ven bờ nhằm bảo tồn nguồn gene bản địa có sự tham gia của cộng đồng trong các Tổ đồng quản lý).</p>	<p>- Triển khai các hoạt động sinh kế và Đồng quản lý nghề cá và tăng cường năng lực cho Ban điều hành và cộng đồng nghề cá tham gia quản lý, sử dụng và phát triển bền vững tài nguyên nguồn lợi, bảo tồn Đa dạng sinh học, hệ sinh thái thủy vực và bảo vệ môi trường biển ven bờ.</p> <p>- Xây dựng kế hoạch sinh kế và mô hình Đồng quản lý nghề cá được xây dựng và phát triển phục vụ phát triển kinh tế - xã hội chung của huyện Cần Giờ.</p> <p>- Xác định và xây dựng các vùng bảo vệ trong hệ thống Rừng ngập mặn cửa sông ven bờ nhằm bảo tồn nguồn gene bản địa có sự tham gia của cộng đồng trong các Tổ đồng quản lý).</p>	<p>- Bộ quy chế, quy ước cộng đồng của Đồng quản lý nghề cá ở Cần Giờ.</p> <p>- Kế hoạch hoạt động, sinh kế của Tổ cộng đồng tham gia cùng cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển nguồn lợi, bảo vệ hệ sinh thái vùng biển ven bờ.</p> <p>- Phương án xây dựng phân mềm thu thập sản lượng khai thác của ngư dân, thông qua đề xuất cụ thể để đặt hàng Viện, Trường liên quan xây dựng phần mềm phục vụ thu thập sản lượng đánh bắt của ngư dân thông qua khai báo trên hệ thống.</p> <p>- Kế hoạch về sinh kế hỗ trợ, sinh kế lồng ghép/ tích hợp nhằm nâng cao giá trị sản phẩm thủy sản, kinh tế tuần hoàn. (Mô hình liên kết thu mua, đồng quản lý và nâng cao năng lực quản lý và duy trì bền vững).</p> <p>- Bản đồ phân vùng khai thác, phân vùng bảo vệ có sự tham gia của cộng đồng.</p> <p>- Báo cáo trong hoạt động khai thác từ cộng đồng được gửi đến các cơ quan quản lý địa phương và ngành, lĩnh vực.</p> <p>- Các giải pháp quản lý, sử dụng và phát triển bền vững thích ứng tài nguyên nguồn lợi, bảo tồn Đa dạng sinh học, nguồn gene bản địa, bảo vệ môi trường hệ sinh thái vùng biển ven bờ; giải pháp về khai thác bền vững tối ưu tài nguyên nguồn lợi, bảo vệ môi trường hệ sinh thái đới bờ.</p> <p>- Danh mục các loài sinh vật có tiềm năng triển khai ứng dụng trong phát triển sinh kế cộng đồng, gồm các nhóm vi sinh vật, các loài thủy sinh vật (Tảo, Động vật phù du, Động vật đáy không xương sống, cá, v.v.).</p> <p>- Đề xuất các khu vực hoặc tiểu khu vực trong Rừng ngập mặn hoặc vùng cửa sông ven biển làm nơi bảo vệ, bảo tồn hệ sinh</p>	30	

Stt	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm	Thời gian (tháng)	Chí chú
				<ul style="list-style-type: none"> thái và loài, giúp tái tạo và phục hồi tài nguyên nguồn lợi, đồng thời đảm bảo chuỗi bậc dinh dưỡng lưới thức ăn trong tự nhiên. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt. 		
8.	308-2024	Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng vi nhựa trong đất, nước, động vật thủy sinh trong rừng ngập mặn và khả năng phân hủy trong môi trường tự nhiên để đề xuất biện pháp quản lý tại Khu Dự trữ sinh quyển Rừng ngập mặn Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.	Nghiên cứu, phân tích đánh giá hiện trạng và xử lý vi nhựa trong môi trường tự nhiên như đất, nước, động vật thủy sinh trong rừng ngập mặn và khả năng phân hủy trong môi trường tự nhiên để đề xuất biện pháp quản lý tại Khu Dự trữ sinh quyển Rừng ngập mặn Cần Giờ từ đó đề xuất biện pháp quản lý giảm thiểu vi nhựa tại Khu Dự trữ sinh quyển Rừng ngập mặn Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định tải lượng vi nhựa có kích cỡ micro trong đất và nước: tầng nước và trầm tích có độ sâu từ 0 - 100cm của rừng ngập mặn trong Khu Dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ; - Đánh giá hàm lượng tích tụ vi nhựa trong 5 loài động vật thủy sinh (2 loài cá và 3 loài 2 mảnh vỏ) trong Rừng ngập mặn Cần Giờ; - Khả năng phân hủy vi nhựa trong môi trường tự nhiên ở rừng ngập mặn Cần Giờ. Từ đó, đề xuất biện pháp giảm thiểu và xử lý vi nhựa nhựa tại Khu Dự trữ sinh quyển Rừng ngập mặn Cần Giờ. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt. 	18	
9.	309-2024	Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng ô nhiễm kim loại nặng (Cr, As, Hg, Pb, U) và khả năng tích tụ kim loại nặng của rừng trồng Đước đôi (Rhizophora apiculata) tại Khu Dự trữ sinh quyển thế giới Rừng ngập mặn Cần Giờ.	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thực trạng ô nhiễm kim loại nặng và khả năng hấp thụ kim loại nặng của rừng ngập mặn Cần Giờ. - Đề xuất các giải pháp giảm thiểu tác động của ô nhiễm kim loại nặng hướng tới một Cần Giờ xanh và phát triển bền vững vùng ven biển của thành phố Hồ Chí Minh 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiện trạng ô nhiễm kim loại nặng và phân bố hàm lượng 5 kim loại (Cr, As, Hg, Pb, U) trầm tích ở vùng lồi và vùng đềm của Khu dự trữ sinh quyển rừng ngập mặn Cần Giờ. - Khả năng tích tụ 5 kim loại nặng (Cr, As, Hg, Pb, U) trong thân, cành, lá, rễ của cây Đước đôi trồng tại Khu Dự trữ Sinh quyển thế giới Cần Giờ ở các cấp kính cây và cấp tuổi cây. - Xây dựng mối tương quan giữa hàm lượng kim loại nặng tích tụ trong trầm tích rừng ngập mặn và thân, cành, lá, rễ của cây Đước đôi trồng tại Khu Dự trữ Sinh quyển thế giới Cần Giờ tại các cấp kính cây và cấp tuổi cây. - Xác định được loài Đước đôi có cấp kính, cấp tuổi có khả năng tích tụ cao nhất để sử dụng cho công tác giảm ô nhiễm kim loại nặng hướng tới Cần Giờ xanh và quản lý bền vững các vùng ven biển Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt. 	18	
10.	310-2024	Nghiên cứu thử nghiệm sản xuất giống nhân tạo vọp <i>Geloina expansa</i> (Moussion, 1849) và nuôi thương phẩm tại huyện Cần Giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng quy trình sinh sản nhân tạo và nuôi thương phẩm thành công góp phần vào bảo tồn và tái tạo nguồn lợi tự nhiên vọp <i>Geloina expansa</i> cho huyện Cần Giờ. - Xác định đặc điểm sinh học sinh sản, hệ số thành thực, mùa vụ sinh sản, sức sinh sản, 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thông tin địa lý về các vùng phân bố của vọp, thông tin sơ cấp và thứ cấp về hiện trạng nguồn lợi vọp tại huyện Cần Giờ. - Báo cáo kết quả xác định môi trường sống của vọp <i>Geloina expansa</i>; Báo cáo kết quả nghiên cứu đặc điểm sinh học sinh 	36	

Stt	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm	Thời gian (tháng)	Ghi chú
			đường kính trứng, trọng lượng thành thực lần đầu.	<p>sản, hệ số thành thực, mùa vụ sinh sản, sức sinh sản, đường kính trứng, trọng lượng thành thực lần đầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo cáo kết quả xác định hình thái và trình tự gene COI của vọp <i>Geloina expansa</i> phân bố tại Cần Giờ. - Quy trình sinh sản nhân tạo vọp <i>Geloina expansa</i>: nuôi vỗ thành thực vọp bố mẹ có tỷ lệ sống 100%, tỷ lệ vọp bố mẹ thành thực $\geq 30\%$; tỷ lệ vọp bố mẹ tham gia sinh sản $\geq 70\%$; tỷ lệ thụ tinh $\geq 45\%$; tỷ lệ nở $\geq 60\%$; - Xây dựng quy trình ương vọp từ ấu trùng chữ D lên vọp giống, tỷ lệ sống từ ấu trùng chữ D (Veliger) đến ấu trùng sống đầy $\geq 15\%$, tỷ lệ sống từ ấu trùng đày lên vọp giống $\geq 10\%$. - Mô hình sản xuất giống nhân tạo vọp có năng suất trên 2 triệu vọp giống/năm. - Mô hình nuôi vọp thương phẩm có sản lượng 500 kg/mô hình, trọng lượng 15-20 con/kg. - Sản phẩm đăng ký sở hữu trí tuệ. - Bảo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt. 		
11.	311-2024	Nghiên cứu sản xuất giống nhân tạo và nuôi thương phẩm Hậu cửa sông <i>Magallana ariakensis</i> (Fujita, 1913) tại huyện Cần Giờ	Xây dựng được quy trình sản xuất giống nhân tạo và nuôi thương phẩm Hậu cửa sông tại huyện Cần Giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo cáo điều tra khảo sát tình hình khai thác, sản lượng hải tại huyện Cần Giờ. - Quy trình kỹ thuật sản xuất giống hậu cửa sông. - Xây dựng mô hình nuôi hậu cửa sông thương phẩm tại huyện Cần Giờ: Xây dựng 04 mô hình nuôi thương phẩm hậu cửa sông đạt 500 kg/mô hình, kích cỡ 8-10 con/kg. - Sản phẩm đăng ký sở hữu trí tuệ. - Bảo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt. 	30	
III. CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG PHỤC VỤ QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ						
12.	312-2024	Nghiên cứu quy trình sản xuất nhang thân thiện môi trường tại làng nghề se nhang Lê Minh Xuân - huyện Bình Chánh	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất được quy trình sản xuất nhang nhằm cải thiện môi trường, nâng cao chất lượng sản xuất nhang tại làng nghề se nhang Lê Minh Xuân - huyện Bình Chánh. - Lựa chọn được loại nguyên liệu thân thiện môi trường trong sản xuất và an toàn đối với người sử dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo cáo đánh giá thực trạng làng nghề se nhang làng nghề se nhang Lê Minh Xuân - huyện Bình Chánh và đề xuất giải pháp bảo tồn và phát triển bền vững. - Quy trình sản xuất nhang an toàn, thân thiện với môi trường và hiệu quả. - Sở tay quy trình sản xuất nhang sạch, an toàn và bền vững cho làng nghề se nhang Lê Minh Xuân - huyện Bình Chánh. - Danh mục các loại nguyên liệu thân thiện môi trường, an toàn sử dụng cho làng nghề se nhang Lê Minh Xuân - huyện Bình Chánh. - Bảo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt. 	12	

Stt	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm	Thời gian (tháng)	Ghi chú
13.	313-2024	Nghiên cứu đề xuất mô hình tổng thể giảm phát thải khí nhà kính tại Khu Nông nghiệp Công nghệ cao	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng được mô hình tổng thể giảm phát thải khí nhà kính cho từng hoạt động sản xuất tại Khu Nông nghiệp Công nghệ cao. - Xây dựng được các kịch bản trung hòa cacbon, net zero khi áp dụng mô hình chuyển đổi xanh cho Khu Nông nghiệp Công nghệ cao. - Nâng cao nhận thức áp dụng chuyển đổi xanh cho các doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mô hình tổng thể giảm phát thải khí nhà kính tại Khu Nông nghiệp Công nghệ cao theo từng kịch bản. - Giải pháp kinh tế, kỹ thuật nhằm giảm phát thải khí nhà kính tại Khu Nông nghiệp Công nghệ cao. - Đề xuất chiến lược và lộ trình thực hiện giảm phát thải khí nhà kính theo từng kịch bản tại Khu Nông nghiệp Công nghệ cao. - Đề xuất ứng dụng, các giải pháp khả thi để nhân rộng cho các khu Công nghiệp lân cận. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt. 	12	
14.	314-2024	Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn việc bố trí các công trình tiêu biểu của lịch sử, văn hóa Việt Nam tại Công viên Lịch sử - Văn hóa dân tộc TP.HCM	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn để hình thành danh mục dự kiến bố trí các công trình, không gian tại Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc; - Đề xuất, cung cấp các tham chiếu, quy mô các công trình và phân chia giai đoạn, tiến độ thực hiện các công trình tại Công viên Lịch sử - Văn hóa Dân tộc TP. HCM. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ số liệu, kết quả thu thập. - Danh mục các công trình tiêu biểu, đặc trưng dự kiến bố trí. - Hệ thống các tiêu chí lựa chọn công trình tiêu biểu làm cơ sở bố trí công trình phù hợp. - Báo cáo xây dựng các nhóm giải pháp và quy trình thực hiện các tiêu chí. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt. 	6	
15.	315-2024	Điều tra đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu đến đô thị hiện có và đô thị dự kiến hình thành mới có nguy cơ chịu tác động trong giai đoạn 2021-2030	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá được mức độ ảnh hưởng của BĐKH (ngập, nắng nóng, mưa lớn) đến các đô thị hiện hữu và đô thị dự kiến hình thành mới trong giai đoạn 2021-2030 của Thành phố Hồ Chí Minh. - Đề xuất giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu cho các đô thị mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ cơ sở dữ liệu tổng hợp, điều tra khảo sát, đo đạc: mặt cắt ngang sông, mực nước, lưu lượng. - Báo cáo đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến đô thị hiện có của TP. HCM. - Báo cáo đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến đô thị dự kiến hình thành mới trong giai đoạn 2021-2030 của TP. HCM. - Đề xuất giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu cho các đô thị mới. - Bộ bản đồ đánh giá tác động biến đổi khí hậu đến đô thị cũ và mới của TP. HCM. - Bộ tiêu chí đánh giá biến đổi khí hậu cho khu đô thị cũ và đô thị mới của TP. HCM. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt. 	24	
16.	316-2024	Nghiên cứu xây dựng các chính sách đột phá nhằm xây dựng thương hiệu doanh nghiệp mang tầm quốc gia và toàn cầu trên	<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về xây dựng thương hiệu doanh nghiệp mang tầm quốc gia và toàn cầu. - Đề xuất được cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp vừa có tiềm năng 	<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo “Đề án xây dựng một số doanh nghiệp lớn với thương hiệu mang tầm quốc gia và toàn cầu”. - Báo cáo đánh giá thực trạng tình hình hoạt động xây dựng thương hiệu của các doanh nghiệp lớn và các doanh nghiệp vừa có tiềm năng của Thành phố hiện nay (tiếp cận dưới góc độ các 	9	

Stt	Mã nhiệm vụ	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Sản phẩm	Thời gian (tháng)	Ghi chú
		<p>địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh</p>	<p>của TP. Hồ Chí Minh phát triển thương hiệu mang tầm quốc gia và toàn cầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá thực trạng tình hình hoạt động xây dựng thương hiệu của các doanh nghiệp lớn và các doanh nghiệp vừa có tiềm năng của Thành phố hiện nay (tiếp cận dưới góc độ các doanh nghiệp, đối tác và khách hàng của doanh nghiệp); thực trạng chính sách hỗ trợ phát triển thương hiệu các doanh nghiệp này (tiếp cận dưới góc độ nhà hoạch định chính sách, nhà quản lý sở ban ngành liên quan) của Thành phố; từ đó xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức cho doanh nghiệp và nhận dạng các điểm nghẽn chính sách hiện tại đối với việc xây dựng thương hiệu mang tầm quốc gia và toàn cầu trên địa bàn Thành phố. - Phân tích, dự báo xu hướng xây dựng và phát triển thương hiệu tầm cỡ quốc gia và toàn cầu cho doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong bối cảnh nền kinh tế xanh, nền kinh tế số và nền kinh tế tuần hoàn. - Nghiên cứu đề xuất hệ thống các giải pháp cho các doanh nghiệp lớn và các doanh nghiệp vừa có tiềm năng của Thành phố Hồ Chí Minh để xây dựng và phát triển thương hiệu mang tầm quốc gia và toàn cầu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. - Nghiên cứu, đề xuất các chính sách đột phá nhằm xây dựng thương hiệu doanh nghiệp mang tầm quốc gia và toàn cầu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. 	<p>doanh nghiệp, đối tác và khách hàng của doanh nghiệp); thực trạng chính sách hỗ trợ phát triển thương hiệu các doanh nghiệp này (tiếp cận dưới góc độ nhà hoạch định chính sách, nhà quản lý sở ban ngành liên quan) của Thành phố; từ đó xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức cho doanh nghiệp và nhận dạng các điểm nghẽn chính sách hiện tại đối với việc xây dựng phát triển thương hiệu doanh nghiệp mang tầm quốc gia và toàn cầu trên địa bàn Thành phố.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo phân tích, dự báo xu hướng xây dựng và phát triển thương hiệu tầm cỡ quốc gia và toàn cầu cho doanh nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong bối cảnh nền kinh tế xanh, nền kinh tế số và nền kinh tế tuần hoàn. - Báo cáo đề xuất các giải pháp chính sách phù hợp, thiết thực và đột phá, kèm theo kế hoạch triển khai thực hiện các chính sách nhằm xây dựng và phát triển doanh nghiệp tiềm năng của Thành phố trở thành doanh nghiệp với thương hiệu mạnh mang tầm quốc gia và toàn cầu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt. 		

